

Số: 09/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu;

Để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nghị định này quy định về mua sắm công đối với việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi là Hiệp định CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (sau đây gọi là Hiệp định EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (sau đây gọi là Hiệp định UKVFTA) nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Các trường hợp được quy định tại khoản 8 Phụ lục I, khoản 7 Phụ lục II và khoản 9 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 9 vào Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Cơ quan mua sắm là cơ quan, tổ chức được liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này được giao làm chủ đầu tư, bên mời thầu của dự án, dự toán mua sắm.

2. Nước thành viên là quốc gia, vùng lãnh thổ thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Ký kết Hiệp định CPTPP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và tại thời điểm phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu của gói thầu, Hiệp định CPTPP có hiệu lực với nước đó (sau đây gọi là Nước thành viên Hiệp định CPTPP);

b) Áp dụng Hiệp ước Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (sau đây gọi là Nước thành viên EU);

c) Vương quốc Anh, Bắc Ai-len.”

b) Bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Mua sắm công là quá trình lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và giải pháp khả thi để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì mục đích công và không nhằm mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại hoặc sử dụng trong việc sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Đấu thầu nội khối, đấu thầu quốc tế

1. Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, cơ quan mua sắm phải tổ chức đấu thầu nội khối theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ trường hợp người có thẩm quyền xét thấy cần tổ chức đấu thầu quốc tế để mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án, gói thầu.

2. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp dịch vụ, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu;

b) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu;

c) Đối với gói thầu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu nội khối tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh, Bắc Ai-len tham dự thầu;

d) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ thuộc mã CPC 75231 (các dịch vụ mạng dữ liệu), CPC 75232 (các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử), CPC 84 (dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan) quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu.

3. Trường hợp tổ chức đấu thầu nội khối đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, cơ quan mua sắm thực hiện như sau:

a) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm chỉ cho phép nhà thầu nội khối chào hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên tham dự thầu;

b) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép các nhà thầu nội khối chào hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên Hiệp định CPTPP, các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh, Bắc Ai-len tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP chào hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu;

c) Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép các nhà thầu nội khối chào hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên Hiệp định CPTPP, các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh, Bắc Ai-len tham dự thầu hoặc chỉ cho

phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh, Bắc Ai-len chào hàng hóa có xuất xứ từ các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh, Bắc Ai-len tham dự thầu.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Biện pháp ưu đãi trong nước

Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, cơ quan mua sắm được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình quy định tại các khoản 1, 1a, 1b, 2, 3 và 4 Điều 15 của Nghị định này. Sau khoảng thời gian quy định tại Điều 15 của Nghị định này, cơ quan mua sắm không được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước.”

5. Bổ sung một số điểm vào Điều 6 như sau:

a) Bổ sung điểm h và điểm i vào khoản 1 như sau:

“h) Không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu;

i) Không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.”;

b) Bổ sung điểm đ và điểm e vào khoản 2 như sau:

“đ) Không chịu phán quyết cuối cùng của tòa án về việc phạm tội nghiêm trọng hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu;

e) Không có bằng chứng về việc nhà thầu có hành vi vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đóng thầu.”

6. Bổ sung khoản 7 vào Điều 7 như sau:

“7. Trường hợp đối với tập đoàn kinh tế nhà nước của Việt Nam, nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn và là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn thì tập đoàn, các công ty con của tập đoàn được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu của nhau. Nhà thầu tham dự thầu không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và tài chính đối với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó nếu nhà thầu tư vấn cũng là công ty con thuộc tập đoàn.”

7. Bổ sung điểm k vào khoản 1 Điều 9 như sau:

“k) Nội dung tóm tắt bằng tiếng Anh của thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu của gói thầu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Việc đăng tải được thực hiện sau khi Liên minh Châu Âu hoàn tất việc hỗ trợ kỹ thuật, tài chính để xây dựng và duy trì hệ thống tự động dịch và đăng tải các thông báo tóm tắt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.”

8. Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 15 và sửa đổi khoản 5 Điều 15 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Đối với gói thầu nêu tại Phụ lục I và Phụ lục III kèm theo Nghị định này, thời kỳ chuyển đổi như sau:

a) Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến ngày 13 tháng 01 năm 2029, cơ quan mua sắm áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại khoản 6 Điều này. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xác định tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm, không vượt quá 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trong phạm vi quản lý của mình;

b) Kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến ngày 31 tháng 7 năm 2038, cơ quan mua sắm áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước theo quy định tại khoản 6 Điều này. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xác định tổng giá trị ưu đãi trong nước trong một năm, không vượt quá 30% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trong phạm vi quản lý của mình;

c) Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2038 trở đi, cơ quan mua sắm không được áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này trong phạm vi quản lý của mình.

1b. Đối với gói thầu nêu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, thời kỳ chuyển đổi thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6 và 7 Điều này.”

b) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Cơ quan mua sắm chịu trách nhiệm xác định gói thầu được áp dụng các biện pháp ưu đãi trong nước trong phạm vi quản lý của mình, bảo đảm tuân thủ quy định tại các khoản 1a, 1b, 2 và 3 Điều này.”

9. Sửa đổi điểm d khoản 2 và bổ sung điểm e vào khoản 2 Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Khi tính toán giá gói thầu nhằm xác định gói thầu có thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này hay không, phải tính toán tổng giá trị ước tính tối đa của gói thầu trong toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm tất cả các loại thù lao, phí, lệ phí, hoa hồng, lợi tức hoặc các nguồn thu khác có thể được chi trả theo hợp đồng; trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 3 Điều này thì phải cộng giá trị của tùy chọn mua thêm vào giá gói thầu để so sánh với ngưỡng giá gói thầu nêu tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này;”

b) Bổ sung điểm e vào khoản 2 như sau:

“e) Đối với gói thầu mua sắm tập trung, gói thầu chia phần để mua hàng hóa, dịch vụ lặp đi lặp lại hàng năm, việc xác định giá gói thầu căn cứ vào các nội dung sau:

- Nhu cầu sử dụng trong một năm để tránh chia nhỏ gói thầu;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của hàng hóa, dịch vụ tương tự trong vòng 12 tháng trước thời điểm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trên cơ sở phù hợp với khối lượng mua sắm và giá cả thị trường. Trường hợp không có kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng, căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu không qua mạng hoặc căn cứ tối thiểu 03 báo giá trên cơ sở phù hợp với khối lượng mua sắm và giá cả thị trường hoặc giá được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp công bố được khai thác qua mạng Internet.”

10. Bổ sung khoản 5 vào Điều 39 như sau:

“5. Trừ gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, hồ sơ dự thầu không đáp ứng yêu cầu về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu nêu trong hồ sơ mời thầu sẽ không bị loại ngay trong quá trình đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. Bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu đề xuất nhân sự, thiết bị thay thế trong một khoảng thời gian phù hợp để bên mời thầu xem xét, đánh giá. Nhà thầu không đề xuất nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu bị loại.”

11. Bổ sung khoản 3 vào Điều 79 như sau:

“3. Đối với trường hợp quy định tại các điểm c, đ và g khoản 2 Điều 21 của Nghị định này, được áp dụng quy trình nêu tại Điều 77 và Điều 78 của Nghị định này nếu thấy cần thiết.”

12. Sửa đổi khoản 16 và bổ sung khoản 18 vào Điều 97 như sau:

a) Sửa đổi khoản 16 như sau:

“16. Trường hợp đổi tên, chia, tách cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này thì đơn vị mới sau khi đổi tên, chia, tách được coi là thuộc các Phụ lục này.

Trường hợp cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này bị sáp nhập, hợp nhất thì gói thầu của đơn vị sau sáp nhập, hợp nhất nhằm mục đích thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trước khi sáp nhập, hợp nhất phải thực hiện theo Nghị định này.

Trường hợp đơn vị trực thuộc cơ quan mua sắm liệt kê tại các Phụ lục I, II và III kèm theo Nghị định này được chuyển sang cơ quan khác quản lý, đơn vị đó vẫn thuộc các Phụ lục này.”

b) Bổ sung khoản 18 vào Điều 97 như sau:

“18. Trường hợp gói thầu, dự án xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này thì người có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu trên cơ sở phù hợp với

Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định tại khoản này.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 102 như sau:

“Điều 102. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp với quy định của Nghị định này thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu cho phù hợp.

2. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng có thời điểm đóng thầu sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa đến thời điểm đóng thầu, trường hợp có nội dung không phù hợp hoặc trái với quy định của Nghị định này thì phải sửa đổi cho phù hợp. Trong trường hợp này, chủ đầu tư, bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu.

3. Đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định và Phụ lục của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP

1. Bổ sung cụm từ “, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA” vào sau cụm từ “Hiệp định CPTPP” tại khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 27, khoản 5 Điều 81, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 100, khoản 2 Điều 100 và Điều 101.

2. Thay thế các Phụ lục I, II và III.

3. Bãi bỏ các Phụ lục IV, V, VI và VII.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg; TGD Công TTĐT;
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). *MO*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục I

GÓI THẦU THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP, HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

(Kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA là gói thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có giá gói thầu từ ngưỡng giá nêu tại khoản 2 Phụ lục này trở lên;
- b) Thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm được liệt kê tại khoản 3 Phụ lục này;
- c) Là gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa nêu tại các khoản 4, 5 và 6 Phụ lục này;
- d) Không thuộc trường hợp loại trừ nêu tại khoản 8 Phụ lục này.

2. Ngưỡng giá gói thầu

2.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 1.500.000 SDR;
- b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 1.000.000 SDR;
- c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 500.000 SDR;
- d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 260.000 SDR;
- đ) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 130.000 SDR.

2.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024: 40.000.000 SDR;
- b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 32.600.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029:
20.000.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030:
16.300.000 SDR;

đ) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034:
10.000.000 SDR;

e) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035:
8.500.000 SDR;

g) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 5.000.000 SDR.

2.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024:
3.000.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030:
2.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035:
1.500.000 SDR;

d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

2.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025:
40.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030:
25.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035:
20.000.000 SDR;

d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

2.5. Đối với gói thầu mua thuốc của các bệnh viện liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này, ngưỡng giá gói thầu được quy định như sau:

a) Đối với gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng từ một năm trở lên, gói thầu mua thuốc tập trung do Bộ Y tế thay mặt các bệnh viện tổ chức lựa chọn nhà thầu: áp dụng ngưỡng giá gói thầu như quy định tại khoản 2.3 Phụ lục này;

b) Đối với gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng dưới một năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này: ngưỡng giá gói thầu là 500.000 SDR;

c) Đối với gói thầu chỉ bao gồm một loại thuốc duy nhất: ngưỡng giá gói thầu là 130.000 SDR.

3. Danh sách cơ quan mua sắm thuốc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

3.1. Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA. Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được liệt kê tại Phụ lục này và các đơn vị hành chính trực thuộc ở cấp trung ương của các cơ quan, đơn vị đó.

a) Bộ Tư pháp:

- Vụ Pháp luật hình sự - hành chính;
- Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế;
- Vụ Pháp luật quốc tế;
- Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật;
- Cục Hỗ trợ tư pháp;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Thi đua - Khen thưởng;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật;
- Cục Trợ giúp pháp lý;
- Cục Con nuôi;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (nay là Cục Kế hoạch - Tài chính);
- Tổng cục Thi hành án dân sự;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;
- Cục Công nghệ thông tin;

- Văn phòng Bộ;
- Cục Bồi thường nhà nước;
- Cục Công tác phía Nam;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (nay thuộc Văn phòng Chính phủ);
- Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Tư pháp và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tư pháp.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Thi đua khen thưởng (nay là Vụ Thi đua khen thưởng và Truyền thông);
- Vụ Hợp tác xã (nay là Cục Phát triển Hợp tác xã);
- Vụ Tài chính tiền tệ;
- Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân;
- Cục Quản lý đầu thầu;
- Vụ Kinh tế công nghiệp;
- Vụ Kinh tế nông nghiệp;
- Vụ Kinh tế dịch vụ;
- Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị;
- Vụ Quản lý các khu kinh tế;
- Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư;
- Vụ Quản lý quy hoạch;
- Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ;
- Vụ Kinh tế đối ngoại;
- Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội;
- Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Phát triển doanh nghiệp;
- Cục Đầu tư nước ngoài;

- Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Quốc phòng - An ninh;
- Tổng cục Thống kê.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Bảo hiểm xã hội;
- Vụ Bình đẳng giới;
- Vụ Lao động - Tiền lương (nay là Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương);
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Cục Quản lý lao động ngoài nước;
- Cục An toàn lao động;
- Cục Việc làm;
- Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (nay là Cục Trẻ em);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Cục Người có công;
- Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội;
- Cục Bảo trợ xã hội;
- Văn phòng Bộ;
- Tổng Cục dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp).

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;

- Thanh tra Bộ;
- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Cục Hợp tác quốc tế;
- Cục Di sản văn hóa;
- Vụ Đào tạo;
- Tổng cục Du lịch;
- Vụ Thi đua khen thưởng;
- Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm;
- Vụ Gia đình;
- Vụ Văn hóa dân tộc;
- Vụ Thư viện;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Công tác phía Nam;
- Cục Nghệ thuật biểu diễn;
- Cục Điện ảnh;
- Cục Bản quyền tác giả;
- Cục Văn hóa cơ sở;
- Tổng cục Thể dục thể thao;
- Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên (nay là Vụ Khoa học Xã hội nhân văn và Tự nhiên);

- Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật;
- Vụ Công nghệ cao;
- Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ;
- Vụ Kế hoạch - Tổng hợp; Vụ Tài chính (nay hợp nhất thành Vụ Kế hoạch - Tài chính);
- Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Công tác phía Nam;
- Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng;
- Vụ Thi đua - Khen thưởng;
- Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương;
- Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia;
- Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân;
- Cục Năng lượng nguyên tử;
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Khoa học và Công nghệ.

e) Bộ Tài chính:

- Cục Quản lý giá;
- Cục Tài chính Doanh nghiệp;
- Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại;
- Cục Quản lý Công sản;
- Vụ Ngân sách nhà nước;
- Vụ Đầu tư;
- Vụ I (Vụ Tài chính quốc phòng, an ninh, đặc biệt);
- Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;
- Vụ Chính sách thuế;

- Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính;
- Vụ chế độ kế toán và kiểm toán (nay là Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán);
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Thi đua - Khen thưởng;
- Thanh tra Bộ;
- Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm;
- Cục Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng Bộ;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Tổng cục dự trữ nhà nước.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Tài chính và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài chính.

g) Bộ Xây dựng:

- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Khoa học công nghệ và môi trường;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Quy hoạch - kiến trúc;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Kinh tế xây dựng (nay là Cục Kinh tế xây dựng);
- Cục Phát triển đô thị;
- Vụ Vật liệu xây dựng;
- Vụ Kế hoạch tài chính;
- Cục Quản lý hoạt động xây dựng;
- Cục Hạ tầng kỹ thuật;
- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;
- Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản;

- Văn phòng Bộ;
- Cục Công tác phía Nam;
- Vụ Quản lý doanh nghiệp.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Xây dựng và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Xây dựng.

h) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Vụ Bru chính;
- Vụ Công nghệ thông tin;
- Vụ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Tần số vô tuyến điện;
- Cục Viễn thông;
- Cục Tin học hóa;
- Cục Báo chí;
- Cục Xuất bản, In và Phát hành;
- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- Vụ Quản lý doanh nghiệp;
- Vụ Thi đua khen thưởng;
- Vụ Thông tin cơ sở (nay là Cục Thông tin cơ sở).

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Thông tin và Truyền thông.

i) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam:

- Ban Đầu tư quỹ (nay là Vụ Quản lý đầu tư quỹ);
- Văn phòng, có đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội;
- Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế;

- Ban Sô - Thẻ;
- Ban Tuyên truyền (nay là Trung tâm Truyền thông);
- Ban Hợp tác quốc tế (nay là Vụ Hợp tác quốc tế);
- Ban Thi đua - Khen thưởng (nay là Vụ Thi đua - Khen thưởng);
- Ban Pháp chế (nay là Vụ Pháp chế);
- Ban Tổ chức cán bộ (nay là Vụ Tổ chức cán bộ);
- Ban Thu;
- Ban Tài chính - Kế toán (nay là Vụ Tài chính - Kế toán);
- Ban Kế hoạch và Đầu tư (nay là Vụ Kế hoạch và Đầu tư);
- Ban Dược và Vật tư y tế;
- Ban Kiểm tra (nay là Vụ Thanh tra - Kiểm tra);
- Ban Kiểm toán nội bộ (nay là Vụ Kiểm toán nội bộ).

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

k) Thanh tra Chính phủ:

- Vụ Tổ chức Cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Hợp tác Quốc tế;
- Vụ Thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I) (nay là Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối kinh tế ngành (Vụ I));
- Vụ Thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II) (nay là Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II));
- Vụ Thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III) (nay là Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối văn hóa, xã hội (Vụ III));
- Cục Giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I) (nay là Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 1 (Cục I));
- Cục Giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II) (nay là Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 2 (Cục II));
- Cục Giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III) (nay là Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 3 (Cục III));

- Cục Chống tham nhũng (Cục IV) (nay là Cục Phòng, Chống tham nhũng (Cục IV));

- Văn phòng;

- Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư (nay là Ban Tiếp công dân trung ương);

- Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra;

- Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp (nay là Vụ Kế hoạch - Tổng hợp).

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thanh tra Chính phủ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thanh tra Chính phủ.

1) Bộ Công Thương:

- Vụ Kế hoạch;

- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Pháp chế;

- Vụ Hợp tác quốc tế (nay tách chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị: Vụ Thị trường châu Á - châu Phi; Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ; Vụ Kế hoạch);

- Thanh tra Bộ;

- Vụ Khoa học và Công nghệ;

- Vụ Công nghiệp nặng (nay sáp nhập vào Cục Công nghiệp);

- Tổng Cục Năng lượng (nay tách thành: Vụ Dầu khí và Than; Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững; Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo);

- Vụ Công nghiệp nhẹ (nay sáp nhập vào Cục Công nghiệp);

- Cục Xuất nhập khẩu;

- Vụ Thị trường trong nước;

- Vụ Thương mại biên giới và miền núi (nay tách chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị: Cục Xuất nhập khẩu; Vụ Thị trường trong nước);

- Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương (nay sáp nhập với Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á thành Vụ Thị trường châu Á - châu Phi);

- Vụ Thị trường châu Âu (nay sáp nhập với Vụ Thị trường châu Mỹ thành Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ);

- Vụ Thị trường châu Mỹ (nay sáp nhập với Vụ Thị trường châu Âu thành Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ);

- Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á (nay sáp nhập với Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương thành Vụ Thị trường châu Á - châu Phi);

- Vụ Chính sách thương mại đa biên;
- Vụ Thi đua - Khen thưởng (nay sáp nhập vào Văn phòng Bộ);
- Vụ Tài chính (nay là Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp);
- Cục Công tác phía Nam;
- Cục Điều tiết điện lực;
- Cục Quản lý cạnh tranh (nay là Cục Quản lý Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng và Cục Phòng vệ thương mại);
- Cục Quản lý thị trường (nay là Tổng cục Quản lý thị trường);
- Cục Xúc tiến thương mại;
- Cục Công nghiệp địa phương (nay là Cục Công Thương địa phương);
- Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp;
- Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (nay là Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số);
- Cục Hóa chất;
- Vụ Phát triển nguồn nhân lực (nay là Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ Kế hoạch);
- Văn phòng Bộ.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Công Thương và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Công Thương.

m) Bộ Y tế:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Cục Quản lý dược;
- Vụ Bảo hiểm y tế;
- Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em;
- Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền;
- Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng Bộ;

- Cục Y tế dự phòng;
- Cục Phòng, chống HIV/AIDS;
- Cục Quản lý khám, chữa bệnh;
- Cục An toàn thực phẩm;
- Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nay là Tổng cục Dân số);
- Vụ Truyền thông và Thi đua, khen thưởng;
- Cục Công nghệ thông tin;
- Cục Quản lý môi trường Y tế;
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Y tế và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Y tế.

n) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Vụ Pháp chế;
- Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính (nay hợp nhất thành Vụ Kế hoạch - Tài chính);
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ Khoa học và Công nghệ;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Cục Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (nay tách thành Tổng cục Khí tượng thủy văn và Cục Biến đổi khí hậu);
- Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (nay là Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam);
- Văn phòng Bộ;
- Tổng cục Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản (nay là Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam);
- Cục Công nghệ và Thông tin (nay là Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường).

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

o) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Thanh tra Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Giáo dục Mầm non;
- Vụ Giáo dục Tiểu học;
- Vụ Giáo dục Trung học;
- Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp (nay sáp nhập vào Vụ Đào tạo chính quy thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Giáo dục Dân tộc;
- Vụ Giáo dục Thường xuyên;
- Vụ Công tác học sinh, sinh viên (nay là Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh, sinh viên);
- Vụ Giáo dục Quốc phòng (nay là Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh);
- Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường;
- Vụ Hợp tác Quốc tế (nay sáp nhập với Cục Đào tạo với nước ngoài thành Cục Hợp tác quốc tế);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng);
- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;
- Cục Công nghệ thông tin;
- Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em (nay là Cục Cơ sở vật chất);
- Cục Đào tạo với nước ngoài (nay sáp nhập với Vụ Hợp tác quốc tế thành Cục Hợp tác quốc tế);
- Văn phòng Bộ.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

p) Bộ Nội vụ:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Tổ chức - Biên chế;
- Vụ Tiền lương;
- Vụ Công chức - Viên chức;
- Vụ Chính quyền địa phương;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Tổ chức phi chính phủ;
- Vụ Cải cách hành chính;
- Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức (nay là Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức);
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổng hợp;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước;
- Ban Tôn giáo Chính phủ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Vụ Công tác thanh niên.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Nội vụ và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Nội vụ.

q) Bộ Ngoại giao:

- Vụ ASEAN;
- Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương;
- Vụ Đông Bắc Á;
- Vụ Châu Âu;
- Vụ Châu Mỹ;
- Vụ Tây Á - Châu Phi (nay là Vụ Trung Đông - Châu Phi);
- Vụ Chính sách Đối ngoại;

- Vụ các Tổ chức Quốc tế;
- Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế;
- Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương;
- Vụ Tổng hợp Kinh tế;
- Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO (nay là Vụ Ngoại giao Văn hóa và UNESCO);
- Vụ Thông tin Báo chí;
- Vụ Tổ chức Cán bộ;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Lãnh sự;
- Cục Lễ tân Nhà nước;
- Cục Quản trị Tài vụ;
- Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài;
- Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Vụ Thi đua - Khen thưởng và Truyền thống ngoại giao.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Ngoại giao và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Ngoại giao.

r) Ủy ban Dân tộc:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra;
- Vụ Chính sách dân tộc;
- Vụ Địa phương I;
- Vụ Địa phương II;
- Vụ Địa phương III;
- Vụ Tuyên truyền;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Tổng hợp;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;

- Văn phòng;
- Vụ Dân tộc thiểu số.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban Dân tộc và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Ủy ban Dân tộc.

s) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Vụ Kế hoạch;
- Vụ Tài chính;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Thanh tra Bộ;
- Cục Chăn nuôi;
- Cục Trồng trọt;
- Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối (nay là Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản);
- Văn phòng Bộ;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Tổng cục Thủy sản;
- Cục Thú y;
- Cục Quản lý xây dựng công trình;
- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
- Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;
- Vụ Quản lý doanh nghiệp.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

t) Bộ Giao thông vận tải:

- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;

- Vụ Vận tải;
- Vụ Môi trường;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ An toàn giao thông;
- Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;
- Vụ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ Tài chính;
- Vụ Kế hoạch - Đầu tư;
- Vụ Quản lý doanh nghiệp;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông;
- Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cục Đường sắt Việt Nam;
- Cục Hàng không Việt Nam;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Y tế Giao thông vận tải.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Giao thông vận tải.

u) Bộ Quốc phòng:

- Cục Kinh tế;
- Cục Cứu hộ - Cứu nạn.

3.2. Cơ quan mua sắm khác

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của cả Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA. Gói thầu của cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản này không mở cửa đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật của Mê-hi-cô hoặc cá nhân mang quốc tịch Mê-hi-cô.

a) Thông tấn xã Việt Nam:

- Ban Tổ chức - cán bộ;
- Ban Kiểm tra;
- Ban Thư ký biên tập (nay là Ban Thư ký biên tập và Quan hệ đối ngoại);
- Ban Kế hoạch - Tài chính;
- Ban Biên tập tin Đối ngoại;
- Ban Biên tập tin Trong nước;
- Ban Biên tập tin Kinh tế;
- Ban Biên tập tin Thế giới;
- Trung tâm Thông tin tư liệu (nay là Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa);
- Trung tâm Tin học;
- Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn;
- Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam;
- Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung - Tây Nguyên;
- Ban Biên tập ảnh;
- Văn phòng.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thông tấn xã Việt Nam.

b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Vụ Quản lý khoa học;
- Ban Thanh tra;
- Vụ Hợp tác quốc tế;
- Vụ Quản lý đào tạo;
- Vụ Các trường chính trị;
- Viện Quan hệ quốc tế;
- Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Viện Triết học;
- Viện Chính trị học;

- Viện Văn hóa và Phát triển;
- Viện Nghiên cứu quyền con người (nay là Viện Quyền con người);
- Viện Kinh tế;
- Tạp chí Lý luận chính trị;
- Viện Lịch sử Đảng;
- Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng;
- Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học;
- Viện Xã hội học (nay là Viện Xã hội học và Phát triển);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

c) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam:

- Nhà xuất bản Khoa học xã hội;
- Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á;
- Trung tâm Phân tích và Dự báo;
- Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam;
- Viện Nghiên cứu Con người;
- Viện Nghiên cứu Tôn giáo;
- Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á;
- Viện Nghiên cứu Châu Mỹ;
- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam;
- Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông;
- Viện Nghiên cứu Trung Quốc;
- Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin;
- Viện Nghiên cứu Văn hóa;
- Viện Sử học;
- Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Viện Dân tộc học;
- Viện Nghiên cứu Đông Nam Á;

- Viện Triết học;
- Viện Xã hội học;
- Viện Nghiên cứu Châu Âu;
- Viện Tâm lý học;
- Viện Văn học;
- Viện Kinh tế Việt Nam;
- Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam;
- Viện Kinh tế và Chính trị thế giới;
- Viện Nghiên cứu Hán - Nôm;
- Học viện Khoa học xã hội;
- Viện Khảo cổ học;
- Viện Thông tin Khoa học xã hội;
- Ban Tổ chức cán bộ;
- Ban Kế hoạch - Tài chính;
- Ban Quản lý Khoa học;
- Ban Hợp tác quốc tế;
- Văn phòng.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

d) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

- Viện Toán học;
- Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ;
- Viện Vật lý Ứng dụng và Thiết bị khoa học;
- Viện Cơ học và Tin học ứng dụng;
- Viện Công nghệ hóa học;
- Viện Khoa học vật liệu ứng dụng;
- Viện Sinh học nhiệt đới;
- Viện Khoa học năng lượng;
- Văn phòng;
- Viện Công nghệ thông tin;

- Viện Cơ học;
- Viện Vật lý địa cầu;
- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật;
- Viện Tài nguyên và Môi trường biển;
- Viện Sinh học Tây Nguyên;
- Viện Hải dương học;
- Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang;
- Viện Vật lý;
- Viện Địa chất và Địa vật lý biển;
- Viện Công nghệ môi trường;
- Viện Khoa học vật liệu;
- Viện Hóa học;
- Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên;
- Viện Công nghệ sinh học;
- Viện Địa lý;
- Viện Địa chất;
- Viện Kỹ thuật nhiệt đới;
- Viện Công nghệ vũ trụ;
- Trung tâm tin học và Tính toán;
- Viện Hóa sinh biển.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

đ) Các bệnh viện trung ương:

- Bệnh viện Bạch Mai;
- Bệnh viện Chợ Rẫy;
- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế;
- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên;
- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ;
- Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam;

- Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí;
- Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới;
- Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức;
- Bệnh viện E;
- Bệnh viện Hữu nghị;
- Bệnh viện Thống Nhất;
- Bệnh viện C Đà Nẵng;
- Bệnh viện K;
- Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương;
- Bệnh viện Mắt Trung ương;
- Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương;
- Bệnh viện Nội tiết Trung ương;
- Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội;
- Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bệnh viện 71 Trung ương;
- Bệnh viện 74 Trung ương;
- Bệnh viện Phổi Trung ương;
- Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1;
- Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2;
- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa;
- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập;
- Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương;
- Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương;
- Bệnh viện Da liễu Trung ương;
- Bệnh viện Lão khoa Trung ương;
- Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương;
- Bệnh viện Châm cứu Trung ương.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các bệnh viện nêu trên.

4. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

a) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, nhà thầu từ tất cả Nước thành viên được tham dự thầu):

Mã CPC	Mô tả
61	Dịch vụ bán, bảo trì và sửa chữa ô tô và xe máy
64	Dịch vụ nhà hàng và khách sạn
862	Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ
863	Dịch vụ thuế
864	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng
872	Dịch vụ cung cấp và bố trí nhân sự
874	Dịch vụ lau dọn các tòa nhà
87501	Dịch vụ chụp ảnh chân dung
87503	Dịch vụ chụp ảnh hành động
87504	Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt
87505	Dịch vụ xử lý ảnh
87506	Dịch vụ xử lý phim hoạt hình không liên quan tới ngành phim hoạt hình và truyền hình
87507	Dịch vụ phục hồi, sao chép và chỉnh sửa ảnh
87509	Các dịch vụ nhiếp ảnh khác
876	Dịch vụ đóng gói
87903	Dịch vụ trả lời điện thoại
87904	Dịch vụ sao chụp
87905	Dịch vụ phiên dịch và biên dịch
87906	Dịch vụ gửi thư hoặc thu thập danh sách gửi thư

980	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình
99	Dịch vụ do các tổ chức và cơ quan xuyên quốc gia cung cấp

b) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu từ tất cả Nước thành viên tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên Hiệp định CPTPP tham dự thầu):

Mã CPC	Mô tả
75231	Các dịch vụ mạng dữ liệu
75232	Các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử
84	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
94	Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác (ngoại trừ việc thu thập rác trong văn phòng của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh)
97	Các dịch vụ khác (ngoại trừ 97030 - Dịch vụ tang lễ, hỏa táng, tổ chức tang lễ và 97090 - các dịch vụ khác)

c) Dịch vụ được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và UKVFTA (trường hợp đấu thầu nội khối theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này, cơ quan mua sắm quyết định cho phép nhà thầu từ tất cả Nước thành viên tham dự thầu hoặc chỉ cho phép nhà thầu thuộc các Nước thành viên EU, Vương quốc Anh và Bắc Ai-len tham dự thầu):

Mã CPC	Mô tả
841	Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính
845	Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính
849	Các dịch vụ máy tính khác

5. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

6. Danh mục hàng hóa

Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa sau đây:

Mã HS2012	Mô tả
10.06	Lúa gạo
27.09	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải
49.01	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn
49.02	Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo
49.05	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
49.07	Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự đang được lưu hành hoặc mới phát hành, chưa sử dụng tại nước mà chúng có, hoặc sẽ có giá trị, mệnh giá được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc (tiền giấy); mẫu séc; chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu và các loại tương tự
8517.61	Trạm thu phát gốc
8525.50	Thiết bị phát
8525.60	Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
85.26	Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến

8527.13	Máy khác kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh
8527.19	Máy thu có chức năng lập sơ đồ, quản lý và giám sát phổ điện từ Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu giữ thông tin khác để ghi âm hoặc ghi các hiện tượng khác

Khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, cơ quan mua sắm chịu trách nhiệm quy đổi Mã HS2012 sang mã HS tương đương theo quy định hiện hành.

7. Đối với Bộ Quốc phòng

Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này đối với các gói thầu trong danh mục nêu tại Phụ lục kèm theo Chương 15 của Hiệp định CPTPP, Chương 9 của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA.

8. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA:

- a) Gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn gắn liền với việc quản lý và vận hành các công trình của Chính phủ và công trình thuộc sở hữu tư nhân được dùng vì mục đích công;
- b) Gói thầu dịch vụ xây dựng trụ sở chính của các cơ quan nêu tại khoản 3.1 Phụ lục này;
- c) Gói thầu với mục đích phát triển, bảo vệ, bảo tồn các giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ hoặc di sản văn hóa của quốc gia;
- d) Gói thầu mua sắm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm liên quan đến dự trữ quốc gia theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia;
- đ) Gói thầu với mục đích tăng cường sức khỏe, phúc lợi, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội của dân tộc thiểu số;
- e) Gói thầu liên quan tới lễ kỷ niệm của quốc gia và liên quan tới mục đích tôn giáo;
- g) Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải trong trường hợp dịch vụ vận tải đó là một phần của gói thầu;
- h) Gói thầu của một cơ quan mua sắm mua từ một cơ quan nhà nước khác;
- i) Gói thầu do một cơ quan mua sắm tổ chức lựa chọn nhà thầu thay cho một cơ quan khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;
- k) Gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ liên quan đến nghĩa trang liệt sỹ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

l) Gói thầu cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư, dịch vụ lưu ký và lưu giữ chứng khoán nhằm quản lý và đầu tư tài sản của Quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;

m) Gói thầu dịch vụ phục chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

n) Gói thầu liên quan đến việc sản xuất tin tức và phim tài liệu của Thông tấn xã Việt Nam;

o) Gói thầu sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại và các khoản tài trợ của tổ chức hay cá nhân không thuộc danh sách cơ quan mua sắm tại khoản 3 Phụ lục I, khoản 3 Phụ lục II và khoản 3 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

9. Gói thầu dịch vụ xây dựng của Bộ Giao thông vận tải thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này không mở cửa cho các Nước thành viên Hiệp định CPTPP.



Phụ lục II
GÓI THẦU CHỈ THUỘC PHẠM VI
ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP
(Kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP
ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Gói thầu chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP là gói thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có giá gói thầu từ ngưỡng giá nêu tại khoản 2 Phụ lục này trở lên;
- b) Thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm được liệt kê tại khoản 3 Phụ lục này;
- c) Gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa nêu tại các khoản 4, 5 và 6 Phụ lục này;
- d) Không thuộc trường hợp loại trừ nêu tại khoản 7 Phụ lục này.

2. Ngưỡng giá gói thầu

2.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024: 2.000.000 SDR;
- b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 1.500.000 SDR;
- c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 1.000.000 SDR;
- d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2039: 260.000 SDR;
- đ) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2039 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2044: 190.000 SDR;
- e) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2044 trở đi: 130.000 SDR.

2.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024: 65.200.000 SDR;
- b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 32.600.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 16.300.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 trở đi: 8.500.000 SDR.

2.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024: 3.000.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 trở đi: 2.000.000 SDR.

2.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2024: 65.200.000 SDR;

b) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2029: 55.000.000 SDR;

c) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2034: 40.000.000 SDR;

d) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2034 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2039: 25.000.000 SDR;

đ) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2039 trở đi: 15.000.000 SDR.

3. Danh sách cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP

3.1. Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP. Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị dưới đây trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ được liệt kê trong Phụ lục này và các đơn vị hành chính trực thuộc ở cấp trung ương của các cơ quan, đơn vị đó.

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc;

b) Bộ Tài chính:

- Kho bạc Nhà nước;

- Tổng cục Hải quan;

- Tổng cục Thuế;
- Cục Tin học và Thống kê tài chính.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài chính;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Cục Thông tin đối ngoại;
- Cục bưu điện Trung ương;
- Cục An toàn thông tin.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Thông tin và Truyền thông;

d) Bộ Tài Nguyên và Môi trường:

- Cục Viễn thám quốc gia;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Bộ Ngoại giao:

Cục Ngoại vụ, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc;

e) Bộ Công an:

- Tổng cục cảnh sát (nay là Cục Cảnh sát môi trường; Cục Cảnh sát giao thông);
- Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- Cục Y tế - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật (nay là Cục Y tế).

3.2. Cơ quan mua sắm khác

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây chỉ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP. Gói thầu của cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản này không mở cửa đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật của Mê-hi-cô hoặc cá nhân mang quốc tịch Mê-hi-cô:

Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

4. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

Ngoài các dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được liệt kê tại điểm a khoản 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, Hiệp định CPTPP còn áp dụng đối với các dịch vụ được liệt kê dưới đây:

Mã CPC	Mô tả
75231	Các dịch vụ mạng dữ liệu
75232	Các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử
84	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
94	Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác (ngoại trừ việc thu thập rác trong văn phòng của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh)
97	Các dịch vụ khác (ngoại trừ 97030 - Dịch vụ tang lễ, hỏa táng, tổ chức tang lễ và 97090 - các dịch vụ khác)

5. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định CPTPP áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

6. Danh mục hàng hóa

a) Đối với các cơ quan mua sắm liệt kê tại khoản 3.1 và khoản 3.2 Phụ lục này, trừ Bộ Công an, Nghị định này áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa liệt kê tại khoản 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Đối với Bộ Công an, tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định này đối với các gói thầu trong danh mục nêu tại Phụ lục kèm theo Chương 15 của Hiệp định CPTPP.


7. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP

a) Các gói thầu nêu tại khoản 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ nạo vét;

c) Gói thầu dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và các đảo nằm ngoài lãnh hải của Việt Nam;

d) Gói thầu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.



Phụ lục III
GÓI THẦU CHỈ THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH
EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA
(Kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP
ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA là gói thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có giá gói thầu từ ngưỡng giá nêu tại khoản 2 Phụ lục này trở lên;
- b) Thuộc dự án, dự toán của cơ quan mua sắm được liệt kê tại khoản 3 Phụ lục này;
- c) Gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa nêu tại các khoản 4, 5 và 6 Phụ lục này;
- d) Không thuộc trường hợp loại trừ nêu tại khoản 9 Phụ lục này.

2. Ngưỡng giá gói thầu

2.1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 3.000.000 SDR;
- b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 2.000.000 SDR;
- c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 1.500.000 SDR;
- d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

2.2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục này được quy định như sau:

- a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 40.000.000 SDR;
- b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 25.000.000 SDR;
- c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 20.000.000 SDR;
- d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

2.3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 3.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 2.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 1.500.000 SDR;

d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 1.000.000 SDR.

2.4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục này được quy định như sau:

a) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2025: 40.000.000 SDR;

b) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030: 25.000.000 SDR;

c) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2035: 20.000.000 SDR;

d) Từ ngày 01 tháng 8 năm 2035 trở đi: 15.000.000 SDR.

3. Danh sách cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

3.1. Cơ quan mua sắm cấp địa phương

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA. Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu của các đơn vị hành chính trực thuộc các cơ quan mua sắm cấp địa phương được liệt kê trong Phụ lục này và các đơn vị hành chính trực thuộc các đơn vị đó.

a) Thành phố Hà Nội:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nay là Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch);
- Sở Tư pháp;
- Sở Ngoại vụ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Quy hoạch và Kiến trúc.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thành phố Hà Nội và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thành phố Hà Nội.

b) Thành phố Hồ Chí Minh:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Quy hoạch và Kiến trúc.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Cơ quan mua sắm khác

Các cơ quan, đơn vị được liệt kê dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA. Nghị định này không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập không được liệt kê tại khoản này.

a) Thông tấn xã Việt Nam:

- Ban Biên tập - Sản xuất ảnh báo chí;
- Trung tâm phát triển truyền thông thông tấn;
- Trung tâm hợp tác quốc tế thông tấn;
- Trung tâm truyền hình thông tấn;
- Trung tâm kỹ thuật thông tấn.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Thông tấn xã Việt Nam;

b) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

Văn phòng Học viện (bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc);

c) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam:

- Viện Gia đình và Giới;
- Viện Ngôn ngữ học;
- Trung tâm nghiên cứu Kinh thành;
- Ban Thi đua và khen thưởng;
- Viện địa lý nhân văn;
- Trung tâm nghiên cứu Chính sách phát triển bền vững;
- Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

d) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam:

- Ban Tổ chức cán bộ;
- Ban Kế hoạch - Tài chính;
- Ban Hợp tác quốc tế;
- Ban Kiểm tra;
- Ban Ứng dụng và triển khai công nghệ.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

đ) Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Tổng công ty điện lực miền Bắc;
- Tổng công ty điện lực miền Trung;
- Tổng công ty điện lực miền Nam;
- Tổng công ty điện lực Thành phố Hà Nội;
- Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tổng công ty truyền tải điện quốc gia.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc các đơn vị nêu trên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

e) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, bao gồm: Văn phòng Đường sắt Việt Nam; Ban Kiểm soát nội bộ; Ban Bảo vệ - An ninh - Quốc phòng; Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án đường sắt; Ban Vận tải và đầu máy toa xe; Ban Kế hoạch kinh doanh; Ban Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ; Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng; Ban Tài chính kế toán; Ban Tổ chức cán bộ - Lao động; Ban Quản lý Kết cấu hạ tầng Đường sắt; Văn phòng Đại diện Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Đà Nẵng;

- Công ty Vận tải hành khách đường sắt Hà Nội;
- Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý đường sắt Hà Hải;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý đường sắt Hà Thái;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý đường sắt Yên Lào;

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý đường sắt Hà Lạng.

Danh sách trên bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và trực thuộc các đơn vị nêu trên của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

g) Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc;

h) Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm cả các Ban Quản lý dự án trực thuộc.

4. Danh mục dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn

Ngoài các dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được liệt kê tại điểm a khoản 4 Phụ lục I kèm theo Nghị định này, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA còn áp dụng đối với các dịch vụ được liệt kê dưới đây:

Mã CPC	Mô tả
841	Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính
845	Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính
849	Các dịch vụ máy tính khác

5. Danh mục dịch vụ xây dựng

Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm tạm thời (CPC) của Liên hợp quốc tại địa chỉ:

https://www.wto.org/english/tratop_e/serv_e/cpc_provisional_complete_e.pdf

6. Danh mục hàng hóa

Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA áp dụng đối với tất cả hàng hóa, trừ các hàng hóa liệt kê tại khoản 6 Phụ lục I kèm theo Nghị định này và hàng hóa sau đây:

Mã CPC	Mô tả
84.71	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác

7. Đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa theo quy định tại Điều 1 và Điều 3 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 hoặc bất kỳ quy định tương ứng nào trong các luật kế thừa liên quan tới hoạt động truyền tải và phân phối điện.

8. Đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Nghị định này chỉ áp dụng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng, mua sắm hàng hóa theo quy định tại Điều 1 và Điều 3 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 hoặc bất kỳ quy định tương ứng nào trong các luật kế thừa liên quan tới việc xây dựng và vận hành đường sắt.

9. Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA

- a) Các gói thầu nêu tại khoản 8 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hoá cho mục đích gây giống và gieo trồng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- c) Gói thầu chuẩn bị mặt bằng, giải phóng mặt bằng, gói thầu dịch vụ bảo trì và sửa chữa cơ sở hạ tầng của các cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 3 Phụ lục này;
- d) Gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ liên quan tới nghĩa trang liệt sỹ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;
- đ) Gói thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan tới hoạt động truyền tải và phân phối điện khi hình thành thị trường điện cạnh tranh;
- e) Gói thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngoài mục đích truyền tải và phân phối điện; gói thầu cho mục đích bán lại hoặc cho bên thứ ba thuê, với điều kiện là cơ quan mua sắm không được hưởng quyền lợi đặc biệt hay độc quyền để bán hoặc cho thuê các hợp đồng đó và các cơ quan khác được tự do bán hay cho thuê trong cùng điều kiện tương tự như cơ quan mua sắm;
- g) Gói thầu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam liên quan tới xây dựng và vận hành đường sắt khi hình thành thị trường cạnh tranh;
- h) Gói thầu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ngoài mục đích xây dựng và vận hành đường sắt; gói thầu cho mục đích bán lại hoặc cho bên thứ ba thuê, với điều kiện là cơ quan mua sắm không được hưởng quyền lợi đặc biệt hay độc quyền để bán hoặc cho thuê các hợp đồng đó và các cơ quan khác được tự do để bán hay cho thuê trong cùng điều kiện tương tự như cơ quan mua sắm;

i) Đối với gói thầu có giá gói thầu từ 260.000 SDR trở xuống, trừ gói thầu dịch vụ xây dựng, cơ quan mua sắm có thể ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có không quá 500 lao động thường xuyên toàn thời gian;

k) Gói thầu dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Việt Nam và ở các đảo của Việt Nam;

l) Gói thầu lưu trữ hoặc đặt máy chủ dữ liệu của Chính phủ và các dịch vụ có liên quan;

m) Gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc dịch vụ được phân loại là an ninh quốc gia, bao gồm cả bí mật nhà nước;

n) Gói thầu cần thiết để bảo vệ thông tin cá nhân được thu thập trong các điều kiện bảo mật hoặc thông tin kinh doanh bí mật.